

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10 /TB-HVNH
(V/v tuyển sinh SDH năm 2021)

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2021

THÔNG BÁO

Tuyển sinh sau đại học đợt 1 năm 2021

Căn cứ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Giám đốc Học viện Ngân hàng về đào tạo trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ, Học viện Ngân hàng thông báo tuyển sinh đào tạo sau đại học đợt 1 năm 2021 như sau:

I. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

1. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh:

1.1. Ngành Tài chính - Ngân hàng (Mã số: 8340201) – Chỉ tiêu: 150.

1.2. Ngành Kế toán (Mã số: 8340301) – Chỉ tiêu: 50.

1.3. Ngành Quản trị kinh doanh (Mã số: 8340101) – Chỉ tiêu: 50.

2. Hình thức và thời gian đào tạo:

- Hình thức đào tạo: Giáo dục chính quy;

- Thời gian đào tạo: 2 năm; tổ chức lớp học vào thứ 7, chủ nhật và lớp học trong giờ hành chính (nếu đủ số lượng từ 30 học viên trở lên).

3. Phương thức và thời gian tuyển sinh:

- Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển;

- Thời gian tuyển sinh: Ngày 16, 17, 18 tháng 4 năm 2021 tại Học viện Ngân hàng – Số 12 Chùa Bộc - Đống Đa - Hà Nội.

4. Nội dung thi tuyển: 3 môn

Các môn thi tuyển cho mỗi chuyên ngành như sau:

Môn thi	Môn 1	Môn 2	Môn 3
Ngành			
Tài chính - Ngân hàng	Kinh tế học	Môn kiến thức chung về Tài chính - Ngân hàng	Anh văn
Kế toán	Kinh tế học	Môn kiến thức chung về Kế toán	Anh văn
Quản trị kinh doanh	Kinh tế học	Môn kiến thức chung về Quản trị kinh doanh	Anh văn

Thí sinh xem Nội dung môn thi tại Phụ lục số 02.

5. Điều kiện dự thi: Người dự thi phải có các điều kiện sau đây:

5.1. Điều kiện văn bằng:

a. Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi.

b. Người có bằng tốt nghiệp đại học gắn với ngành dự thi phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi (Có Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần, ngành khác được dự thi theo từng ngành đào tạo kèm theo).

c. Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

5.2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:

Đối tượng tuyển sinh có bằng đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi được thi ngay khi tốt nghiệp.

Đối tượng có bằng đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành dự thi phải tích lũy kinh nghiệm thực tiễn tối thiểu 01 năm trước khi đăng ký dự thi.

Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần với ngành, chuyên ngành dự thi theo Phụ lục số 01.

5.3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

5.4. Có đủ sức khỏe để học tập.

5.5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Học viện Ngân hàng.

6. Điều kiện miễn thi môn Anh văn:

Thí sinh được miễn thi môn Anh văn nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b. Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam;

c. Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh;

d. Có chứng chỉ trình độ tiếng Anh được quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 27 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

7. Đối tượng và chính sách ưu tiên:

7.1. Đối tượng:

a. Người có thời gian công tác 2 năm liên tục trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

b. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c. Con liệt sĩ;

d. Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
đ. Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này.

e. Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

Danh mục đối tượng ưu tiên và minh chứng theo Phụ lục số 03.

7.2. Chính sách ưu tiên:

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên theo quy định trên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn Ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định tại mục 6 thông báo này và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn Kinh tế học.

8. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh, khai giảng khóa học:

- Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Dự kiến trước ngày 15/5/2021;
- Thời gian nhập học: Dự kiến trước ngày 31/5/2021;

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

1. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh:

- Ngành đào tạo: Tài chính - Ngân hàng (Mã số: 9340201);
- Chỉ tiêu: 20.

2. Hình thức và thời gian đào tạo:

- Hình thức đào tạo: Giáo dục chính quy;
- Thời gian đào tạo: Đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm; đối với người có bằng đại học là 4 năm. Trong đó, nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại Học viện Ngân hàng trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

3. Phương thức và thời gian tuyển sinh:

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển;
- Thời gian tuyển sinh: Ngày 16, 17, 18 tháng 4 năm 2021 tại Học viện Ngân hàng – Số 12 Chùa Bộc - Đống Đa - Hà Nội.

4. Điều kiện dự tuyển: Người dự tuyển phải có các điều kiện sau đây:

4.1. Điều kiện văn bằng:

a. Đối với người có bằng thạc sĩ:

Có bằng thạc sĩ ngành đúng, ngành phù hợp hoặc ngành gần, ngành khác với chuyên ngành đăng ký dự thi: Phải là tác giả tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển. Nội dung bài báo phải phù hợp với hướng nghiên cứu

đăng ký dự thi.

b. Đối với người chưa có bằng thạc sĩ:

Người dự tuyển phải có bằng tốt nghiệp đại học đạt loại giỏi trở lên. Ngành tốt nghiệp đại học là ngành đúng, ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi; phải là tác giả tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển. Nội dung bài báo phải phù hợp với hướng nghiên cứu đăng ký dự thi.

4.2. Điều kiện về ngoại ngữ:

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a mục này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b mục này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Phụ lục số 08) theo quy định tại điểm c mục này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định cụ thể của cơ sở đào tạo.

4.3. Được cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm), hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

4.4. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy

định của cơ sở đào tạo.

4.5. Có đủ sức khoẻ để học tập.

4.6. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Học viện Ngân hàng.

5. Hồ sơ dự tuyển:

5.1. Đơn xin dự tuyển;

5.2. Lý lịch khoa học (theo Mẫu tại Phụ lục số 07);

5.3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp);

5.4. Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác (nếu có);

5.5. Đề cương nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo; kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; đề xuất người hướng dẫn (yêu cầu đối với đề cương nghiên cứu tại Phụ lục số 04);

5.6. Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển (ít nhất 06 tháng) và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

a. Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;

b. Năng lực hoạt động chuyên môn;

c. Phương pháp làm việc;

d. Khả năng nghiên cứu;

đ. Khả năng làm việc theo nhóm;

e. Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;

g. Triển vọng phát triển về chuyên môn;

h. Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

5.7. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành, hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật;

5.8. Bản cam kết thực hiện nghĩa vụ tài chính (theo mẫu tại Phụ lục số 09).

6. Cách thức xét tuyển:

Đánh giá thí sinh dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ theo thang điểm 100, bao

gồm đánh giá hồ sơ dự tuyển (60 điểm) và phỏng vấn (40 điểm).

7. Danh mục lĩnh vực nghiên cứu, danh sách người hướng dẫn khoa học và ngành, chuyên ngành được dự tuyển theo Phụ lục số 05 và Phụ lục số 06. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh và khai giảng như tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.

III. CÁC THÔNG TIN KHÁC:

1. Hồ sơ dự thi:

1.1. Thời gian, địa điểm phát hành hồ sơ:

Trong giờ hành chính, từ ngày 11/01/2021 đến ngày 05/3/2021 tại khoa Sau đại học - Phòng 306 - Nhà A1 - Trụ sở Học viện Ngân hàng, Số 12 Chùa Bộc - Đống Đa - Hà Nội.

1.2. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ:

Trong giờ hành chính từ 08/3/2021 đến 19/3/2021. Nộp hồ sơ trực tiếp tại phòng 306 - Nhà A1 - Trụ sở Học viện Ngân hàng, Số 12 Chùa Bộc - Đống Đa - Hà Nội. Không trả lại hồ sơ khi đã nộp.

1.3. Số lượng hồ sơ đăng ký dự tuyển:

- Người dự tuyển trình độ thạc sĩ nộp 01 bộ hồ sơ;
- Người dự tuyển trình độ tiến sĩ nộp 02 bộ hồ sơ.

1.4. Danh mục giấy tờ cần nộp trong hồ sơ ghi trên bì túi hồ sơ.

2. Tổ chức ôn thi:

- Thời gian: Dự kiến bắt đầu từ ngày 16/01/2021;
- Đơn vị tổ chức: Trung tâm Đào tạo Bồi dưỡng - Học viện Ngân hàng;
- Địa chỉ liên hệ: Phòng 101 - Nhà B1 - Học viện Ngân hàng; Điện thoại: (024) 35726385 hoặc (024) 35725645.

3. Lệ phí đăng ký dự thi:

Lệ phí đăng ký dự thi, lệ phí thi, lệ phí ôn tập và kinh phí đào tạo theo qui định của Học viện Ngân hàng.

4. Thí sinh cần hỏi thêm thông tin xin liên hệ:

Khoa Sau đại học - Phòng 307 - Nhà A1 - Học viện Ngân hàng, số 12 Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội. Điện thoại: (024) 3852 9698 – Email: khoasdh@hvn.edu.vn.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- NHNN Việt Nam (để báo cáo);
- Các tổ chức tài chính, tín dụng;
- Lưu: VT, Khoa SDH.



Đỗ Thị Kim Hảo

PHỤ LỤC 01

Quy định ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác
với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi cao học
(Kèm theo Thông báo tuyển sinh số 10 /TB-HVNH ngày 05 /01/2021
của Giám đốc Học viện Ngân hàng)

1. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

a) Ngành đúng và ngành phù hợp của chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, bao gồm: Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm;

b) Ngành đúng và ngành phù hợp của ngành, chuyên ngành Kế toán, bao gồm chuyên ngành Kế toán; Chuyên ngành Kiểm toán;

c) Ngành đúng và ngành phù hợp của ngành, chuyên ngành Quản trị kinh doanh, bao gồm: Quản trị kinh doanh, Marketing, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn.

2. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành gần với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III (trừ trường hợp đã được quy định tại Khoản 1 Điều này) hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

a) Ngành gần của ngành, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng bao gồm: Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Kế toán, Kiểm toán;

b) Ngành gần của chuyên ngành Kế toán bao gồm: Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm, Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý;

c) Ngành gần của chuyên ngành Quản trị kinh doanh bao gồm: Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Bất động sản, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản lý dự án, Quản trị văn phòng, Kinh tế.

3. Danh mục ngành gần được dự thi tuyển sinh vào từng ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và danh mục ngành khác được dự thi vào ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý (nếu có) do Giám đốc Học viện xác định trong hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo ngành, chuyên ngành trình độ thạc sĩ.

Việc thay đổi danh mục này do Giám đốc Học viện quyết định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh.

4. Các trường hợp đặc biệt khác với Khoản 1, Khoản 2 do trường khoa Sau đại học trình Giám đốc Học viện quyết định trên cơ sở đề xuất của trường khoa chuyên môn.

PHỤ LỤC 02

Nội dung môn thi tuyển sinh

(Kèm theo Thông báo tuyển sinh số 10 /TB-HVNH ngày 05/01/2021

của Giám đốc Học viện Ngân hàng)

MÔN 1: MÔN KINH TẾ HỌC

PHẦN I: KINH TẾ VI MÔ

I. Tổng quan về Kinh tế học

1. Kinh tế học và nền kinh tế
2. Chi phí cơ hội
3. Khan hiếm và sự lựa chọn

II. Lý thuyết cung - cầu

1. Cầu và đường cầu
2. Cung và đường cung
3. Cân bằng cung cầu
4. Sự can thiệp của chính phủ
5. Sự thay đổi của trạng thái cân bằng.

III. Cơ giãn của cầu theo giá

1. Khái niệm: cơ giãn của cầu theo giá
2. Công thức tính (theo đoạn và điểm)
3. Phân loại cơ giãn của cầu theo giá
4. Những yếu tố ảnh hưởng đến cơ giãn của cầu theo giá
5. Quan hệ giữa tổng doanh thu, giá và cơ giãn của cầu theo giá

IV. Lý thuyết hành vi người tiêu dùng

1. Lý thuyết lợi ích
2. Lý thuyết bàng quan ngân sách

V. Lý thuyết về hành vi người sản xuất

1. Lý thuyết sản xuất
2. Lý thuyết chi phí
3. Lợi nhuận

VI. Cấu trúc thị trường

1. Cạnh tranh hoàn hảo
2. Độc quyền

PHẦN II: KINH TẾ VĨ MÔ

I. Đo lường sản lượng và mức giá

1. Phương pháp tính GDP
2. GDP danh nghĩa, GDP thực tế, chỉ số điều chỉnh GDP và tốc độ tăng trưởng kinh tế

II. Mô hình tổng cung - tổng cầu

1. Tổng cầu của nền kinh tế
2. Tổng cung của nền kinh tế
3. Sản lượng và mức giá cân bằng

III. Tổng cầu và chính sách tài khóa

1. Các nhân tố quyết định tổng chi tiêu
2. Tổng cầu với mức giá không đổi và cách xác định sản lượng cân bằng trong nền kinh tế đóng và mở
3. Chính sách tài khóa (mở rộng và thắt chặt)
4. Thâm hụt ngân sách chính phủ
5. Các biện pháp tài trợ thâm hụt ngân sách

IV. Tiền tệ và chính sách tiền tệ

1. Khái niệm và các chức năng của tiền
2. Cung tiền
3. Mức cầu tiền
4. Thị trường tiền tệ và xác định lãi suất cân bằng
5. Chính sách tiền tệ và các công cụ của chính sách tiền tệ

V. Kinh tế vĩ mô về nền kinh tế mở

1. Cán cân thanh toán
2. Thị trường ngoại hối và chế độ tỷ giá hối đoái
3. Chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở

MÔN 2: MÔN KIẾN THỨC CHUNG

A. MÔN KIẾN THỨC CHUNG VỀ TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Thị trường Tài chính

1.1. Tổng quan về thị trường tài chính

- 1.1.1 Khái niệm và đặc điểm thị trường tài chính
- 1.1.2 Phân loại thị trường tài chính
- 1.1.3 Hàng hóa của thị trường tài chính
- 1.1.4 Chủ thể tham gia thị trường tài chính
- 1.1.5 Vai trò của thị trường tài chính

1.2. Phát hành, giao dịch các công cụ tài chính

- 1.2.1. Phát hành các công cụ tài chính
- 1.2.2. Giao dịch các công cụ tài chính

1.3. Quản lý và giám sát thị trường tài chính

2. Ngân hàng thương mại

2.1. Tổng quan về ngân hàng thương mại

2.1.1. Khái niệm NHTM và các hoạt động của NHTM

2.1.1.1. Khái niệm, đặc trưng và vai trò của NHTM

2.1.1.2. Các loại hình NHTM

2.1.1.3. Các hoạt động kinh doanh chính của NHTM

2.1.2. Phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh của một NHTM

2.1.2.1. Các báo cáo tài chính của NHTM

2.1.2.2. Phân tích đánh giá hoạt động kinh doanh của NHTM theo mô hình CAMELS

2.2. Quản lý Nợ và vốn chủ sở hữu của ngân hàng thương mại

2.2.1. Quản lý Nợ của Ngân hàng thương mại.

2.2.1.1. Quản lý danh mục tiền gửi

- Các sản phẩm tiền gửi ngân hàng cung cấp

- Quản trị quy mô tiền gửi

- Quản trị chi phí tiền gửi

2.2.1.2. Quản lý nguồn vốn phi tiền gửi của ngân hàng

- Các nguồn vốn phi tiền gửi của ngân hàng

- Tính toán nhu cầu vốn phi tiền gửi

- Lựa chọn nguồn vốn phi tiền gửi của ngân hàng

2.2.2. Quản lý vốn chủ sở hữu của ngân hàng

2.2.2.1. Khái niệm, thành phần và vai trò của vốn chủ sở hữu

2.2.2.2 Các quy định liên quan đến vốn chủ sở hữu

2.2.2.3. Kế hoạch đáp ứng nhu cầu vốn chủ sở hữu của ngân hàng

- Biện pháp tăng vốn từ nguồn nội bộ

- Biện pháp tăng vốn từ nguồn bên ngoài

2.3. Quản lý tín dụng của Ngân hàng

2.3.1. Chính sách tín dụng

2.3.2. Quy trình tín dụng

2.3.2.1. Khái niệm và ý nghĩa thiết lập quy trình tín dụng

2.3.2.2. Mô hình tổ chức tín dụng

2.3.2.3. Các giai đoạn quy trình tín dụng

B. MÔN KIẾN THỨC CHUNG VỀ KẾ TOÁN

1. TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN

1.1. Kế toán và vai trò của kế toán

1.2. Kế toán tài chính và kế toán quản trị

1.3. Các yêu cầu đối với thông tin kế toán

1.4. Môi trường kế toán

- 1.5. Phương trình kế toán và các Báo cáo tài chính cơ bản
- 1.6. Ghi nhận các giao dịch kinh tế
- 1.7. Kế toán dồn tích và bút toán điều chỉnh
- 1.8. Chu trình kế toán và các bước trong chu trình kế toán

2. KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG MUA – BÁN HÀNG

- 2.1. Khái quát về hoạt động mua bán hàng
- 2.2. Các phương pháp kế toán HTK
- 2.3. Kế toán mua hàng.
- 2.4. Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

3. KẾ TOÁN TÀI SẢN TRONG DOANH NGHIỆP

- 3.1. Kế toán tài sản ngắn hạn
 - 3.1.1. Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu
 - 3.1.2. Kế toán hàng tồn kho
 - 3.1.3. Kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn
- 3.2. Kế toán tài sản dài hạn
 - 3.2.1. Kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư
 - 3.2.2. Kế toán các khoản đầu tư dài hạn
 - 3.2.3. Kế toán thuê tài sản

4. KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

- 4.1. Kế toán nợ phải trả
 - 4.1.1. Kế toán nợ phải trả ngắn và dài hạn
 - 4.1.2. Kế toán trái phiếu phát hành
 - 4.1.3. Kế toán dự phòng phải trả
- 4.2. Kế toán vốn chủ sở hữu

5. KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

- 5.1. Khái quát về hoạt động sản xuất và tổ chức hệ thống kế toán chi phí và giá thành
- 5.2. Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành

6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

- 6.1 Tổng quan về BCTC trong DN
- 6.2 Lập và trình bày BCTC
 - 6.2.1 Bảng cân đối kế toán
 - 6.2.2 Báo cáo kết quả kinh doanh
 - 6.2.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
 - 6.2.4 Thuyết minh báo cáo tài chính

C. MÔN KIẾN THỨC CHUNG VỀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1.1. Doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường

1.1.1. Khái niệm về doanh nghiệp

1.1.2. Chức năng và vai trò của doanh nghiệp

1.1.3. Phân loại doanh nghiệp

1.2. Quản trị doanh nghiệp

1.2.1. Khái niệm về quản trị doanh nghiệp

1.2.2. Cách tiếp cận về quản trị doanh nghiệp

1.2.3. Bản chất của quản trị doanh nghiệp

1.2.4. Các chức năng quản trị doanh nghiệp

1.3. Các trường phái Quản trị doanh nghiệp

1.3.1. Trường phái lý thuyết cổ điển

1.3.2. Trường phái tâm lý xã hội

1.3.3. Trường phái lý thuyết hệ thống

1.3.4. Trường phái quản trị Nhật Bản

2. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN TRỊ TRONG DOANH NGHIỆP

2.1. Tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp

2.1.1. Khái niệm cơ chế quản trị doanh nghiệp

2.1.2. nội dung cơ chế quản trị doanh nghiệp

2.1.3. cơ chế quản trị doanh nghiệp theo OECD

2.2. Chế độ một thủ trưởng trong doanh nghiệp

2.2.1. Thực chất chế độ một thủ trưởng

2.2.2. Tính tất yếu của chế độ một thủ trưởng

2.2.3. Các chức danh thủ trưởng

2.2.4. Quan hệ giữa các chức danh

2.3. Tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp

2.3.1. Khái niệm và vai trò của tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp

2.3.2. Yêu cầu của tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp

2.3.3. Tổ chức các phòng chức năng

2.3.4. Phân công trong bộ máy quản trị

2.4. Các mô hình tổ chức bộ máy trong doanh nghiệp

2.4.1. Mô hình tổ chức theo sản phẩm

2.4.2. Mô hình tổ chức theo địa bàn kinh doanh

2.4.3. Mô hình tổ chức theo đối tượng khách hàng

2.4.4. Mô hình tổ chức theo đơn vị kinh doanh chiến lược

2.4.5. Mô hình tổ chức theo chức năng

3. HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

3.1. Hoạch định hệ thống mục tiêu của doanh nghiệp

3.1.1. Khái niệm và vai trò của mục tiêu

3.1.2. Phân loại các mục tiêu của doanh nghiệp

3.1.3. Phân loại hệ thống mục tiêu

3.1.4. Yêu cầu khi hoạch định hệ thống mục tiêu

3.1.5. Các phương pháp hoạch định mục tiêu

3.2. Khái niệm và vai trò của chiến lược kinh doanh

3.2.1. Khái niệm

3.2.2. Vai trò của chiến lược kinh doanh

3.3. Các chiến lược kinh doanh phổ biến

3.3.1. Chiến lược kinh doanh cơ bản

3.3.2. Các chiến lược cạnh tranh cơ bản

3.4. Quy trình hoạch định chiến lược kinh doanh

3.4.1. Xác định chức năng nhiệm vụ

3.4.2. Phân tích môi trường kinh doanh

3.4.3. Hình thành và lựa chọn chiến lược

4. QUẢN TRỊ NHÂN SỰ TRONG DOANH NGHIỆP

4.1. Tổng quan về quản trị nhân sự

4.1.1. Khái niệm về quản trị nhân sự

4.1.2. Các quan điểm về quản trị nhân sự

4.1.3. Các nguyên tắc trong quản trị nhân sự

4.1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị nhân sự

4.2. Nội dung của quản trị nhân sự

4.2.1. Hoạch định nhu cầu nhân sự

4.2.2. Tuyển dụng nhân sự

4.2.3. Bố trí công việc và sử dụng lao động

4.2.4. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

4.2.5. Đánh giá thực hiện công việc và thù lao

5. QUẢN TRỊ MARKETING

5.1. Khái niệm và vai trò của quản trị marketing

5.1.1. Khái niệm quản trị marketing

5.1.2. Vai trò và nhiệm vụ của quản trị marketing

5.2 Các quan điểm quản trị marketing

5.2.1. Quan điểm trọng sản xuất

5.2.2. Quan điểm trọng sản phẩm

5.2.3. Quan điểm trọng bán

5.2.4. Quan điểm marketing

5.2.5. Quan điểm marketing xã hội

5.3. Tiến trình quản trị marketing

5.3.1. Phân tích các cơ hội thị trường

5.3.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường

5.3.3. Hoạch định chiến lược marketing

5.3.4. Tổ chức thực hiện chương trình marketing hỗn hợp

5.3.5. Kiểm tra các hoạt động marketing

MÔN 3: MÔN ANH VĂN

Về tổng thể:

Học viên tham gia thi đầu vào tiếng Anh chương trình cao học tại Học viện Ngân hàng phải đạt được trình độ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam .

Theo chuẩn CEF (Khung đánh giá năng lực ngoại ngữ theo tiêu chuẩn chung Châu Âu), một học viên đạt cấp độ 3/6) nhìn chung có những năng lực sau:

- Có thể hiểu được những câu và những cách diễn đạt được sử dụng thường xuyên gắn liền tới những lĩnh vực liên quan trực tiếp (Ví dụ như những thông tin cơ bản về cá nhân và gia đình, mua sắm, thông tin về địa lý của địa phương, việc làm)
- Có thể thực hiện được các giao tiếp đơn giản, thường nhật yêu cầu sự trao đổi thông tin đơn giản, trực tiếp về những vấn đề quen thuộc, thường nhật.
- Có thể miêu tả được những thông tin về bản thân, những vấn đề về môi trường và những nhu cầu trực tiếp.

Phân đọc

Khả năng đọc hiểu nói chung

- Có thể hiểu được các bài khoá ngắn đơn giản có tính truyền tải thông tin về những đề tài quen thuộc có kiến thức ngôn ngữ dùng hàng ngày hoặc liên quan đến chuyên môn của bản thân.
- Có thể hiểu được các bài khoá ngắn đơn giản chứa đựng lượng từ vựng được sử dụng nhiều nhất bao gồm cả phần từ vựng cũng thường được dùng trong nhiều ngôn ngữ khác.

Đọc thư tín

- Có thể hiểu được các dạng thư tín và các văn bản fax, yêu cầu thông tin, yêu cầu, thư xác thực, vv. về những chủ đề quen thuộc.
- Có thể hiểu được những bức thư cá nhân đơn giản.

Đọc nhằm lấy định hướng

- Có thể đọc tìm tra xác định các thông tin cần tìm, và các thông tin có thể đoán biết được trong những tài liệu thường nhật ví dụ như quảng cáo, tờ rao hàng, thực đơn danh mục tham khảo, và thời gian biểu
- Có thể định vị thông tin từ danh sách và tách các thông tin cần (Ví dụ: sử dụng “trang vàng” để tìm thông tin về dịch vụ hay cửa hàng...)
- Có thể hiểu được các biển báo và các thông báo hàng ngày xuất hiện ở những nơi công cộng như trên đường phố, nhà hàng, nhà ga và những hướng dẫn, chỉ dẫn, cảnh báo thảm họa ở nơi làm việc.

Đọc lấy thông tin và nghiên cứu lập luận

- Có thể xác định được các thông tin cụ thể trong các tài liệu đơn giản như thư từ, thông tin quảng cáo, những bài báo ngắn viết về các sự kiện.

Đọc hướng dẫn

- Có thể hiểu được các quy định được diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản ví dụ như quy định về an toàn

- Có thể hiểu được những chỉ dẫn đơn giản trên các thiết bị sử dụng hàng ngày ví dụ như điện thoại công cộng

Phản viết

Kỹ năng viết nói chung

- Có thể truyền đạt có hiệu quả các thông tin quen thuộc trong một bố cục chuẩn quen thuộc.

- Có thể viết các bức thư và bài viết dài một, hai đoạn.

- Có thể viết lại các thông tin đơn giản, nghe được hoặc nhìn thấy; có thể ghi chép khi nghe các bài trình bày ngắn hoặc từ các tài liệu tham khảo.

- Thể hiện khả năng kiểm soát viết ở mức độ đơn giản.

DẠNG THỨC ĐỀ THI MÔN TIẾNG ANH PHỤC VỤ KỲ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

1. Tổng quan

Đề thi môn Tiếng Anh kỳ thi tuyển sinh sau đại học (bậc thạc sĩ) đánh giá trình độ tiếng Anh tổng quát của thí sinh bao gồm cấu trúc ngữ pháp -Đọc hiểu- Viết .

Tổng số điểm là 100.

Cấu trúc đề thi như sau:

Cấu trúc	Nội dung	Số lượng câu hỏi
Section A: Đọc hiểu (50 điểm)	Phần 1: 1 bài đọc kiểm tra ngữ pháp và từ vựng dạng điền khuyết mỗi câu có một từ bỏ trống, chọn 1 từ đúng trong 4 từ cho sẵn (dạng trắc nghiệm ABCD) để điền vào chỗ trống. Các chỗ trống này cho phép kiểm tra kiến thức ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa và kiến thức văn hóa, xã hội. Phần này nhằm đánh giá mức độ nắm vững kiến thức tiếng Anh bao gồm ngữ pháp, cấu trúc và từ vựng.	20

	<p>- Phần 2: Đọc 1 hoặc 2 bài khoảng 200 từ, chọn các câu trả lời Đúng hoặc Sai hoặc lựa chọn câu trả lời đúng trong 4 khả năng A, B, C, D. Bài đọc có thể lấy từ báo, tạp chí dễ hiểu, dạng phổ biến kiến thức, thường thấy trong đời sống hàng ngày.</p> <p>Những câu hỏi đặt ra nhằm giúp thí sinh thể hiện khả năng hiểu ý chính nêu trong văn bản, nắm được thông tin chi tiết, hiểu được quan hệ giữa các ý trong đoạn văn và văn bản, và hiểu được thái độ mục đích của tác giả / văn bản.</p>	5-10 câu
	<p>- Phần 3: Làm bài đọc điền từ (Cloze test), trong đó có 10 từ bỏ trống. Chọn trong số các từ cho sẵn các từ phù hợp để điền vào chỗ trống.</p> <p>Thí sinh cần vận dụng kiến thức ngữ pháp, cấu trúc, từ vựng để tìm ra được từ thích hợp cho những khoảng trống liên quan.</p>	10 câu
Section B:Viết (50 điểm)	<p>Phần 1: Viết lại các câu đó với những cách diễn đạt khác đã được gợi ý bằng 1-2 từ sao cho ý nghĩa các câu đó không thay đổi.</p>	5- 10 câu
	<p>Phần 2: Xây dựng câu từ các từ cho trước</p>	10
	<p><i>Phần 3: Viết một bài viết ngắn khoảng 100-150 từ. Đây là dạng bài viết có nội dung liên quan đến đời sống hàng ngày, thường là viết dựa trên một tài liệu gợi ý cho sẵn. Một số dạng bài có thể có như viết một bức thư hay 1 email cho bạn .</i></p> <p>Dạng bài tập này kiểm tra cách trình bày một bài viết, từ vựng, ngữ pháp cách kết nối câu và đoạn văn.</p>	

3. Các thể loại câu hỏi

Ngữ pháp :

1. Subject-verb agreement
2. Tenses
3. Articles
4. Possessives
5. Pronouns
6. Adjectives & Adverbs
7. Prepositions
8. Verbs and complements (verbs followed by infinitives, gerunds, prepositions, etc)

9. Quantifiers
10. Modal auxiliaries (advice, obligation, certainty, etc)
11. Conditional sentences
12. Passive voice
13. Relative clauses
14. Reported speech
15. Comparisons (similarities, comparatives, superlatives)

Đọc hiểu

1. Main idea question
2. Detail question
3. Referent question
4. Purpose question
5. Inference question
6. Paraphrase question
7. Information transfer question

4. Các chủ đề

1. Hobbies and interests
2. People
3. Places
4. Relationships
5. Food and drink
6. Entertainment
7. Jobs
8. Hometown
9. Health
10. Sports
11. Work and study
12. City and country

PHỤ LỤC 03

Danh mục đối tượng ưu tiên và minh chứng
(Kèm theo Thông báo tuyển sinh số 10/TB-HVNH ngày 05/01/2021
của Giám đốc Học viện Ngân hàng)

TT	Đối tượng ưu tiên	Minh chứng
1	Người có thời gian công tác 2 năm liên tục trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực I trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành	<ul style="list-style-type: none">- Quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;- Xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội (Quận, Huyện).
2	Thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh	<ul style="list-style-type: none">- Giấy xác nhận thương binh của Sở Lao động thương binh và xã hội;- Giấy xác nhận được hưởng chính sách như thương binh của Sở Lao động thương binh và xã hội.
3	Con liệt sĩ	<ul style="list-style-type: none">- Giấy khai sinh (bản sao);- Bản sao sổ hộ khẩu và kèm theo sổ hộ khẩu (bản chính) để kiểm tra;
4	Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động	<ul style="list-style-type: none">- Giấy chứng nhận là anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động do nhà nước cấp.
5	Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này	<ul style="list-style-type: none">- Giấy xác nhận của công an xã;- Bản sao sổ hộ khẩu và kèm theo sổ hộ khẩu (bản chính) để kiểm tra.
6	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được ủy ban nhân dân tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt học tập do hậu quả của chất độc hóa học	<ul style="list-style-type: none">- Bản sao sổ hộ khẩu và kèm theo sổ hộ khẩu (bản chính) để kiểm tra;- Giấy chứng nhận bị nhiễm chất độc hóa học (của bố đẻ hoặc mẹ đẻ) do Sở Lao động thương binh và xã hội cấp;- Giấy tờ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học đối với thí sinh).

PHỤ LỤC 04

Yêu cầu đối với Đề cương nghiên cứu
của thí sinh dự tuyển đào tạo trình độ Tiến sĩ

(Kèm theo Thông báo tuyển sinh số 10 /TB-HVNH ngày 05/01/2021
của Giám đốc Học viện Ngân hàng)

Đề cương nghiên cứu gồm những nội dung chính sau đây:

1. Lý do lựa chọn đề tài, lĩnh vực nghiên cứu.
2. Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký đi học nghiên cứu sinh.
3. Lý do lựa chọn cơ sở đào tạo (nơi thí sinh đăng ký dự tuyển).
4. Những dự định và kế hoạch để đạt được những mục tiêu mong muốn.
5. Kinh nghiệm (về nghiên cứu, về thực tế, hoạt động xã hội và ngoại khóa khác); kiến thức, sự hiểu biết và những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề dự định nghiên cứu, phản ánh sự khác biệt của cá nhân thí sinh trong quá trình học tập trước đây và những kinh nghiệm đã có. Lý giải về những khiếm khuyết hay thiếu sót (nếu có) trong hồ sơ như kết quả học đại học, thạc sĩ chưa cao...
6. Dự kiến việc làm và các nghiên cứu tiếp theo sau khi tốt nghiệp.
7. Đề xuất người hướng dẫn (nếu có).

PHỤ LỤC 05

Danh mục lĩnh vực nghiên cứu
và danh sách các nhà khoa học có thể nhận hướng dẫn NCS
(Kèm theo Thông báo tuyển sinh số 40 /TB-HVNH ngày 05/01/2021
của Giám đốc Học viện Ngân hàng)

I. Danh mục lĩnh vực nghiên cứu:

STT	Lĩnh vực nghiên cứu	Ghi chú
1	Ngân hàng Trung ương	
2	Ngân hàng thương mại và các ngân hàng trung gian khác	
3	Các tổ chức tài chính trung gian phi ngân hàng	
4	Thị trường tài chính	
5	Tài chính các tập đoàn và doanh nghiệp	
6	Kho bạc Nhà nước	
7	Thuế và Tài chính công	
8	Tài chính quốc tế	

II. Danh sách các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Ghi chú
1.	PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh	
2.	PGS.TS. Đặng Thị Huyền Anh	
3.	TS. Trần Thị Xuân Anh	
4.	PGS.TS. Nguyễn Thị Bất	
5.	TS. Nguyễn Thị Chính	
6.	PGS.TS. Đặng Ngọc Đức	
7.	PGS.TS. Nguyễn Thùy Dương	
8.	PGS.TS. Phan Thị Thu Hà	
9.	PGS.TS. Đinh Xuân Hạng	
10.	PGS.TS. Đỗ Thị Kim Hào	
11.	PGS.TS. Mai Thu Hiền	
12.	PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hoài	
13.	PGS.TS. Lê Thị Diệu Huyền	
14.	TS. Bùi Duy Hưng	
15.	PGS.TS. Phạm Văn Liên	
16.	PGS.TS. Lê Văn Luyện	
17.	PGS.TS. Lê Thị Tuấn Nghĩa	

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Ghi chú
18.	PGS.TS. Tô Kim Ngọc	
19.	PGS.TS. Nguyễn Thị Nguyệt	
20.	PGS.TS. Cao Thị Ý Nhi	
21.	PGS.TS. Vũ Văn Ninh	
22.	PGS.TS. Nguyễn Thanh Phương	
23.	TS. Phạm Chí Quang	
24.	PGS.TS. Mai Thanh Quế	
25.	PGS.TS. Đoàn Hương Quỳnh	
26.	PGS.TS. Hà Minh Sơn	
27.	PGS.TS. Nguyễn Trọng Thản	
28.	PGS.TS. Lê Trung Thành	
29.	PGS.TS. Nguyễn Thu Thủy	
30.	TS. Đỗ Thị Vân Trang	
31.	PGS.TS. Nguyễn Đức Trung	
32.	PGS.TS. Trần Thị Thanh Tú	
33.	PGS.TS. Nguyễn Thị Thùy Vinh	

PHỤ LỤC 06

Danh mục ngành, chuyên ngành được đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh
(Kèm theo Thông báo tuyển sinh số 10 /TB-HVNH ngày 05/01/2021
của Giám đốc Học viện Ngân hàng)

TT	Ngành, chuyên ngành	Mã số Trình độ đại học	Mã số Trình độ thạc sĩ
I	Ngành kinh tế học	73101	83101
1	Kinh tế học		8310101
2	Kinh tế chính trị	7310102	8310102
3	Kinh tế đầu tư	7310104	8310104
4	Kinh tế phát triển	7310105	8310105
5	Kinh tế quốc tế	7310106	8310106
6	Thống kê kinh tế	7310107	8310107
7	Toán kinh tế	7310108	8310108
8	Quản lý kinh tế		8340410
II	Kinh doanh	73401	83401
9	Quản trị kinh doanh	7340101	8340101
10	Kinh doanh thương mại	7340121	8340121
III	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	73402	83402
11	Tài chính - Ngân hàng	7340201	8340201
12	Bảo hiểm	7340204	8340204
IV	Kế toán - Kiểm toán	73403	83403
13	Kế toán	7340301	8340301
V	Quản trị - Quản lý	73404	83404
14	Khoa học quản lý	7340401	8340401
15	Chính sách công		8340402
16	Quản lý công	7340403	8340403
17	Quản trị nhân lực	7340404	8340404
18	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	8340405
19	Quản trị văn phòng	7340406	8340406
20	Quản lý khoa học và công nghệ		8340412
21	Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp		8340417
22	Khác	73490	83490

PHỤ LỤC 07

Mẫu Lý lịch khoa học đối với người dự tuyển trình độ tiến sĩ
(Kèm theo Thông báo tuyển sinh số 10 /TB-HVNH ngày 05/01/2021
của Giám đốc Học viện Ngân hàng)

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC:

Họ và tên:..... Giới tính:
Ngày, tháng, năm sinh: Nơi sinh:
Quê quán:
Chức vụ, đơn vị công tác:
Chỗ ở riêng hay địa chỉ liên lạc:
Điện thoại CQ: ĐTNR: DD:
Fax: E-mail:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ .../.../..... đến .../.../.....
Nơi học (Trường, thành phố):
Ngành học:.....

2. Thạc sĩ:

Thời gian đào tạo từ/..... đến...../.....
Nơi học (Trường, thành phố):
Ngành học:
Tên đề tài luận văn:.....

3. Trình độ ngoại ngữ (biết ngoại ngữ gì, mức độ):

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC:

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

IV. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ:

1. Đề tài Khoa học các cấp (liệt kê các đề tài đã thực hiện/tham gia)

TT	Tên đề tài	Tình trạng (Hoàn thành/ đang thực hiện)	Đề tài cấp ... (Cơ sở, tỉnh, ngành, nhà nước)	Trách nhiệm trong đề tài (Chủ nhiệm/tham gia)

2. Các công trình nghiên cứu khoa học (bài báo/sách,...) đã công bố (liệt kê gồm tên các tác giả; năm, tên công trình (nếu là bài báo thì ghi tên tạp chí, số của tạp chí và trang bài báo; nếu là sách thì ghi nhà xuất bản và số trang)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ

(Ký tên, đóng dấu)

.....ngày..... tháng.....năm.....

Người khai ký tên

PHỤ LỤC 08

BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI
(Kèm theo Thông báo tuyển sinh số 10 /TB-HVNH ngày 05/01/2021
của Giám đốc Học viện Ngân hàng)

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 6
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2

PHỤ LỤC 09

Mẫu cam kết thực hiện nghĩa vụ tài chính

(Kèm theo Thông báo tuyển sinh số 10⁺ /TB-HVNH ngày 05/01/2021
của Giám đốc Học viện Ngân hàng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

Kính gửi: HỌC VIỆN NGÂN HÀNG

Tên tôi là:..... Sinh ngày

Hiện công tác tại:.....

Chức vụ, nghề nghiệp:.....

Đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện Ngân hàng, tôi xin cam kết thực hiện đúng nghĩa vụ tài chính của nghiên cứu sinh sau khi trúng tuyển như sau:

1. Nộp học phí và những kinh phí khác theo đúng quy định của Học viện về đào tạo trình độ tiến sĩ.
2. Nếu không thực hiện đúng cam kết trên đây, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc xử lý của Học viện theo các quy định về quản lý đào tạo tiến sĩ.

....., ngày tháng năm 20...

Người cam kết

(Ký và ghi rõ họ tên)